TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐẤT** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỒNGỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2025
V/v: Yêu cầu ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Qúy Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Được.

2. Bà Bùi Thị Kim Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai – Thư ký TAND huyện Long Đất.

- Đại diện VKSND huyện Long Đất tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – kiểm sát viên.

Ngày 12-6-2025, tại trụ sở TAND huyện Long Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 26-3-2025 về tranh chấp "yêu cầu ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXX-ST ngày 20-5-2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: ông Trần Thanh Q, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: 45 tổ 1 ấp V, xã H, huyện Đ, tỉnh BRVT.

Chổ ở: 175 đường 27/4 khu phố S, thị trấn B, huyện M, BRVT.

2/ Bị đơn: bà Bùi Thị Bích H, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: 45 tổ 1 ấp V, xã H, huyện Đ, tỉnh BRVT.

(Ông Q và bà H có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn ông Trần Thanh Q trình bày:* Vào năm 1988 ông Q chung sống vợ chồng tự nguyện với bà Bùi

Thị Bích H và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Phong, huyện Hoài An, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại ấp V, xã H, huyện Long Đất và hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do thời điểm đó dịch bệnh làm ăn khó khăn bị thua lỗ dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ cãi vả. Ông Q phải rời khỏi nhà bỏ đi và vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng có nói chuyện với nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm lại được. Nay vì tình cảm không còn nên ông Q yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung: vợ chồng ông Q có 05 người con tên Trần Thị Đài T, sinh ngày 28-02-1990, Trần Thanh Minh T, sinh ngày 26-12-1991, Trần Thanh Minh T, sinh ngày 18-6-1997, Trần Thanh Minh Th, sinh ngày 24-6-1999 và Trần Thị Minh T, sinh ngày 22-10-2008, hiện các con đã trưởng thành riêng cháu Trần Thị Minh T còn ở tuổi chưa thành niên và đang sống với bà H. Sau khi ly hôn ông Q đồng ý để cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, trường hợp bà H không nuôi thì ông Q xin nuôi và không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: vợ chồng ông Q tự thỏa thuận giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

* *Đối với bà Bùi Thị Bích H vắng mặt tại phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục và triệu tập bà H đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q nhưng bà H không đến và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của ông Q và không có yêu cầu phản tố. Tuy nhiên, vào ngày 26-5-2025 sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử bà H có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi tiến hành các hoạt động tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án và xác định đúng quan hệ tranh chấp của vụ án.

+ Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn yêu cầu vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

+ Ông Q và bà Bùi Thị Bích H chung sống như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, do phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, dù đã nhiều lần hòa giải không thành đến năm 2020 đã ly thân, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau. Bà H dù được Tòa án tống đạt các văn bản nhưng bỏ mặc không tham gia giải quyết vụ án, chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của bà ông Q bà H đã mâu thuẫn nghiêm trọng, hai bên không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Căn cứ Điều 56 luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Q được ly hôn với bà H.

+ Về con chung: vợ chồng có 5 người con nhưng hiện 04 cháu đã trưởng thành còn cháu T là chưa thành niên và hiện đang ở với bà H. Qua làm việc ông Q đồng ý để cháu T cho bà H trực tiếp nuôi và cháu T có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật HNGĐ chấp nhận theo đề nghị của ông Q giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Ông Q khai tài sản chung vợ chồng tự thảo thuận giải quyết nên không xét đến.

+ Về nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Ông Trần Thanh Q và bà Bùi Thị Bích H tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1988 và có đăng ký kết hôn. Nay ông Q yêu cầu ly hôn với bà H nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "yêu cầu ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nơi cư trú của bà H tại xã Phước Hưng, huyện Long Đất nên Tòa án nhân dân huyện Long Đất thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Nguyên đơn ông Q và bị đơn bà H đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Q và bà H.

[2] Về nội dung:

Ông Trần Thanh Q và bà Bùi Thị Bích H chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân này hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông Q nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Còn bà H cố tình không đến Tòa án và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt điều này chứng tỏ bà H không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1

Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q đối với bà H.

- Về con chung: ông Q bà H có 05 người con tên Trần Thị Đài T, sinh ngày 28-02-1990, Trần Thanh Minh T, sinh ngày 26-12-1991, Trần Thanh Minh T, sinh ngày 18-6-1997, Trần Thanh Minh Th, sinh ngày 24-6-1999 và Trần Thị Minh T, sinh ngày 22-10-2008. Hiện các cháu Trần Thị Đài T, Trần Thanh Minh T, Trần Thanh Minh T, Trần Thanh Minh Th đã trưởng thành riêng cháu Trần Thị Minh T còn ở tuổi chưa thành niên và đang sống với bà H. Sau khi ly hôn ông Q đồng ý để cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và trong quá trình làm việc cháu T cũng có nguyện vọng được ở với bà H. Xét thấy yêu cầu của ông Q là phù hợp, căn cứ vào các Điều 81, 82 luật HNGĐ chấp nhận theo yêu cầu của ông Q.

- Về tài sản chung: ông Q đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận nên HĐXX không xét đến.

- Về nợ chung: ông Q khai không có nên không xét đến.

[3] Về án phí: ông Q phải chịu án phí theo quy định, bà H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh Q được ly hôn với bà Bùi Thị Bích H.

2/ Về con chung: bà Bùi Thị Bích H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 22-10-2008, tạm thời ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn các cháu tên Trần Thị Đài T, sinh ngày 28-02-1990, Trần Thanh Minh T, sinh ngày 26-12-1991, Trần Thanh Minh T, sinh ngày 18-6-1997, Trần Thanh Minh Th, sinh ngày 24-6-1999 đã trưởng thành nên không xét đến.

Ông Q bà H đều có quyền, nghĩa vụ trông nom chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng con chung; ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ, cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật HN và GĐ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4/ Về nợ chung: không có.

5/ Về án phí: Ông Trần Thanh Q phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 002326 ngày 26-3-2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Đất. Ông Q đã nộp đủ án phí. Bà H không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BRVT.
- VKSND h Long Đất.
- THA h Long Đất.
- Đương sự.
- Lưu Vphòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Qúy Cường